

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**
Số: **339/2021/QĐST-VDS**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Châu Thành, ngày 07 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 485/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Trương Văn C, sinh năm 1986;

Chị Nguyễn Thị Như H, sinh năm 1997;

Địa chỉ: ấp L, xã G, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Trương Văn C và chị Nguyễn Thị Như H kết hôn vào năm 2016, hôn nhân do anh chị tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G vào ngày 03/6/2016, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, trong cuộc sống thường cãi vã nhau do tính tình không còn phù hợp, hạnh phúc gia đình không thể hàn gắn, không thể tiếp tục sống chung vì giữa hai người khó hòa hợp trong cuộc sống. Anh C và chị H cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, có căn cứ công nhận cho anh C và chị H thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: anh C được quyền tiếp tục nuôi 02 con là Trương Khánh N, sinh ngày 07/6/2016 và Trương Nguyễn Hiếu N, sinh ngày 15/7/2018. Ghi nhận việc anh C không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không có.

[4] Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh C đồng ý nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trương Văn C và chị Nguyễn Thị Như H.

- Về con chung: anh C được quyền tiếp tục nuôi 02 con là Trương Khánh N, sinh ngày 07/6/2016 và Trương Nguyễn Hiếu N, sinh ngày 15/7/2018. Ghi nhận việc anh C không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có nên Tòa án không xem xét.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng anh C tự nguyện chịu và được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng anh C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001085 ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Anh C đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại điều 02 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được qui định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV TA tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN
(*Đã ký*)

Trương Thị Tiến

